

Số: **3715/TCHQ-TXNK**

V/v hướng dẫn xác định các loại thuế
và giá trị xe ô tô nhập khẩu.

Hà Nội, ngày 03 tháng 8 năm 2011

Kính gửi: Tổng cục Hận Cần – Kỹ thuật (Bộ Công An).

Trả lời công văn số 4249/H41-H54 ngày 19/07/2011 của Tổng cục Hận Cần – Kỹ thuật (Bộ Công An) về việc hướng dẫn xác định các loại thuế và trị giá tính thuế xe ô tô nhập khẩu nêu tại công văn số 4249/H41-H54 dẫn trên, Tổng cục Hải quan có ý kiến như sau:

1- Về Trị giá tính thuế: Căn cứ Nghị định số 40/2007/NĐ-CP ngày 16/03/2007 của Chính phủ; Thông tư số 40/2008/TT-BTC ngày 21/05/2008 của Bộ Tài chính thì trị giá tính thuế là giá thực tế đã thanh toán hay sẽ phải thanh toán sau khi đã được điều chỉnh theo quy định tại mục VII phần II Thông tư số 40/2008/TT-BTC nêu trên.

2- Về mức thuế suất, biểu thuế áp dụng:

Trường hợp nhập khẩu năm 2008, 2009: áp dụng Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu Ban hành kèm theo quyết định số 106/2007/QĐ-BTC ngày 20/12/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

Trường hợp nhập khẩu năm 2010: áp dụng Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu Ban hành kèm theo Thông tư số 216/2009/TT0-BTC ngày 12/11/2009 của Bộ Tài chính quy định mức thuế suất của Biểu thuế xuất khẩu, Biểu thuế nhập khẩu ưu đãi theo danh mục mặt hàng chịu thuế.

- Các loại xe chuyên dụng từ mục 1 đến mục 4:

+ Trường hợp xe chuyên dụng có động cơ, trừ các loại được thiết kế chủ yếu dùng để chở người hay hàng hóa (Ví dụ: xe cứu hộ, xe cần cẩu, xe cứu hỏa, xe trộn bê tông, xe quét đường, xe phun tưới, xe sửa chữa lưu động, xe chiếu chụp X-quang) thuộc nhóm 8705, tùy vào công dụng mà thuộc vào các phân nhóm và thuế suất cụ thể:

STT	Loại xe	Mã số	Thuế suất
1	Xe cần cẩu	8705.10.00.00	0%
2	Xe cần trục khoan	8705.20.00.00	0%
3	Xe cứu hỏa	8705.30.00.00	0%
4	Xe trộn bê tông	8705.40.00.00	10%
5	Xe làm sạch đường, kể cả xe hút bùn, bể phốt, xe cứu thương lưu động; xe phun tưới các loại	8705.90.50.00	5%

6	Xe thiết kế chở tiền	8705.90.90.10	10%
7	Loại khác	8705.90.90.90	5%
8	Xe điều chế chất nổ lưu động (Trường hợp NK năm 2010)	8705.90.90.20	0%

+ Trường hợp xe chuyên dụng được thiết kế chủ yếu dùng để chở người hay hàng hóa thuộc các nhóm 8703, 8704, tùy vào công dụng mà thuộc các phân nhóm và thuế suất cụ thể.

- Xe ô tô PAJERO, loại 5 cửa, động cơ 3,8L: do công văn không nêu cụ thể tiêu chí động cơ, công dụng và số lượng người chở nên có thể thuộc các nhóm 8702, 8703, 8704, tùy vào công dụng, động cơ (Loại động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng tia lửa điện, loại động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nén) mà thuộc các phân nhóm và thuế suất cụ thể.

3- Về thuế tiêu thụ đặc biệt, thuế Giá trị gia tăng (GTGT):

a. Việc xác định thuế suất thuế GTGT năm 2008 theo các văn bản sau:

- Luật thuế GTGT số 02/1997/QH9;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT số 07/2003/QH11 ;
- Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB và GTGT số 57/2005/QH11;

- Nghị định số 156/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2008 của Chính phủ sửa đổi bổ sung các Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật thuế TTĐB và Luật thuế GTGT;

- Nghị định số 158/2003/NĐ-CP ngày 10/2/2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế GTGT và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế GTGT;

- Thông tư số 115/2005/TT-BTC ngày 16/12/2005 hướng dẫn thi hành Nghị định số 156/2005/NĐ-CP ngày 15/12/2008 của Chính phủ;

- Thông tư số 32/2007/TT-BTC ngày 20/4/2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về thuế GTGT;

- Biểu thuế GTGT theo Danh mục biểu thuế NK ưu đãi ban hành kèm theo Thông tư số 62/2004/TT-BTC ngày 24/6/2004 của Bộ Tài chính.

b. Việc xác định thuế suất thuế GTGT năm 2009, 2010 theo các văn bản sau

- Luật thuế GTGT số 13/2008/TT-BTC;

- Nghị định số 123/2008/NĐ-CP ngày 8/12/2008 của Chính phủ hướng dẫn thi hành một số điều của Luật thuế GTGT;

- Thông tư số 129/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính hướng dẫn chi tiết về thuế GTGT;

- Biểu thuế GTGT theo Danh mục biểu thuế NK ưu đãi ban hành kèm theo Thông tư số 131/2008/TT-BTC ngày 26/12/2008 của Bộ Tài chính.

c. Về thuế TTĐB:

Về việc xác định thuế suất thuế TTĐB mặt hàng xe ô tô nhập khẩu đã được quy định tại Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật thuế TTĐB và Luật thuế GTGT số 57/2005/QH11 ngày 29/11/2005 (áp dụng cho các tờ khai đăng ký với cơ quan Hải quan từ ngày 1/1/2006 đến ngày 31/3/2009) và Luật thuế TTĐB số 27/2008/QH12 ngày 14/11/2008 (áp dụng cho các tờ khai đăng ký với cơ quan Hải quan từ ngày 1/4/2009).

4- Về phương pháp tính thuế:

- Thuế Nhập khẩu:

$$\begin{array}{ccccccc} \text{Số tiền thuế} & & \text{Số lượng đơn} & & \text{Trị giá tính} & & \text{Mức thuế suất tương} \\ \text{NK phải} & = & \text{vị từng mặt} & \times & \text{thuế trên} & \times & \text{đôi trong biểu thuế} \\ \text{nộp} & & \text{hàng thực tế} & & \text{một đơn vị} & & \text{NK ưu đãi có hiệu lực} \\ & & \text{nhập khẩu} & & \text{hàng hóa} & & \text{tại thời điểm đăng ký} \\ & & & & & & \text{tờ khai} \end{array}$$

- Thuế Tiêu thụ đặc biệt:

$$\text{Số tiền thuế TTĐB phải nộp} = \left[\begin{array}{c} \text{Trị giá tính thuế} \\ \text{hàng nhập khẩu} \end{array} + \text{Thuế NK phải nộp} \right] \times \text{Thuế suất thuế TTĐB}$$

- Thuế Giá trị gia tăng:

$$\text{Số tiền thuế GTGT phải nộp} = \left[\begin{array}{c} \text{Trị giá tính} \\ \text{thuế hàng} \\ \text{NK} \end{array} + \text{Thuế NK phải nộp} + \text{Thuế TTĐB phải nộp} \right] \times \text{Thuế suất thuế GTGT}$$

Tổng cục Hải quan xin cung cấp các thông tin nêu trên để Tổng cục Hậu Cần – Kỹ Thuật (Bộ Công An) có cơ sở để xác định số thuế các loại xe nêu tại công văn số 4249/H41-H54 ngày 19/07/2011.

Nơi nhận: 

- Như trên;
- Cục Hải quan TP Hải Phòng (để biết);
- Lưu: VT, TXNK-Giá (5b).

KT. TỔNG CỤC TRƯỞNG
PHÓ TỔNG CỤC TRƯỞNG




Hoàng Việt Cường

09579905

LawSoft * Tel: +84-8-3845 6684 * www.ThuVienPhapLuat.com